TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02-2018
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các *Hội thẩm nhân dân:*
Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên;
Bà Huỳnh Thị Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa*:** ông Phạm Hoàng Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về việc *"Xin ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/01/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1995. Địa chỉ: Tổ 02 ấp R, xã A, huyện T, tỉnh A. (Có mặt);

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ 4 khóm H, thị trấn N, huyện T, tỉnh A. (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện lại ngày 02 tháng 10 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày: Tôi và anh Đ qua tìm hiểu nên vào năm 2010 tôi bỏ nhà theo anh Đ chung sống, khi đó tôi mới 15 tuổi. Đến năm 2012 thì tôi và anh Đ đến Ủy ban thị trấn N đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống tại khóm H, thị trấn N thì anh Đ thường xuyên đánh đập tôi, nhiều lần cầm dao hăm dọa tôi nên vào tháng 8/2016 thì tôi và anh Đ ly thân đến nay không còn liên lạc, xét thấy thời gian ly thân đã lâu không còn tình cảm và chung sống cũng không có hạnh phúc nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: có 02 hai con chung tên Nguyễn Thị Trâm A, sinh ngày 07/01/2011 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 31/12/2013. Hiện tại do tôi đang

nuôi dưỡng hai con, tôi yêu cầu nuôi dưỡng hai con sau khi ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có

-Đối với ông **Nguyễn Văn Đ** đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng thông qua việc niêm yết công khai về: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt, nên Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Ngày 31/01/2018 Tòa án mở phiên tòa xét xử và đã triệu tập hợp lệ các đương sự nhưng chỉ có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

- Ý kiến của cháu Nguyễn Thị Trâm A: sau khi cha mẹ ly hôn, có nguyện vọng được sống với mẹ tên Nguyễn Thị Kim N.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N vẫn giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo qui định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo qui định tại các điều 70,71,72,73 điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: nhận thấy hôn nhân giữa chị N và anh Đ không còn hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim N xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn đã được Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên tống đạt văn bản tố tụng, triệu tập anh Nguyễn Văn Đ tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Về thẩm quyền giải quyết: Theo biên bản xác minh ngày 20/12/2007 bị đơn anh Nguyễn Văn Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại tổ 4, khóm H, thị trấn N, huyện T, tỉnh A. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Văn Đ được xác lập vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo xác minh tại địa phương thì chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Văn Đ chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và xảy ra xô xát với nhau, đến tháng 8/2016 thì sống ly thân nhau đến ngày hôm nay. Điều này chứng minh tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị Kim N xin ly hôn là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hồi đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

- Về quan hệ con chung: chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Văn Đ có có 02 hai con chung tên Nguyễn Thị Trâm A, sinh ngày 07/01/2011 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 31/12/2013, chị Nguyễn Thị Kim N yêu cầu quyền nuôi con sau khi ly hôn. Xét thấy chị Nguyễn Thị Kim N là người trực tiếp nuôi con từ khi sống ly thân đến nay, nên cần tiếp tục giao con cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp điều kiện học tập và để không làm thay đổi hoàn cảnh thích ứng của bé. Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Chị Nguyễn Thị Kim N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn Đ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung chị Nguyễn Thị Kim N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:Chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch. Anh Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Kim N được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Thị Trâm A, sinh ngày 07/01/2011 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 31/12/2013. Anh Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Kim N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn Đ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0003874 ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- Chi cục THADS h.TB;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân thị trấn N;
- Lưu HS & VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Ngọc Mỹ